TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2021
V/V: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-DS ngày 11/05/2021 về *"Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST - DS ngày 01/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-DS ngày 16/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 16, ngõ 2, Nguyễn Quốc Trị, khối Hưng Phúc, phường Hưng Phúc, TP V, tỉnh NA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Quang Quyền, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267 Phùng Khoan, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận NTL, thành phố H.

(Ông Quyền có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam.

Địa chỉ: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn

ông Hoàng Quang Quyền thống nhất trình bày:

Qua người quen giới thiệu, bà L biết đến Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam, được cung những tài liệu liên quan đến Công ty: Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mãi cao lại không rủi ro. Do tin tưởng vừa được mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 25/12/2014, bà L tham gia ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 0084425/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam.

Sau khi ký hợp đồng, bà L đã mua của công ty 426 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm), giá mỗi gói sản phẩm là 11.880.000 đồng hoặc 9.888.000 đồng (tùy thời điểm lấy hàng). Tổng cộng số tiền bà L đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam là 4.251.840 đồng. Sau khi mua hàng và nộp tiền vào công ty, công ty có đưa cho bà L 426 phiếu đặt hàng (nhưng không có phiếu thu nên không có phiếu thu nộp cho Tòa án).

Bà L đã lấy và sử dụng 84 gói sản phẩm và nộp lại cho công ty 84 phiếu đặt hàng, còn lại 342 phiếu đặt hàng. Ngày 30/11/2015, công ty thu của bà L 01 phiếu đặt hàng nhưng không trả hàng cho bà L mà yêu cầu bà L viết Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa. Ngày 31/8/2016, công ty tiếp tục thu của bà L 21 phiếu đặt hàng nhưng không trả hàng cho bà L mà yêu cầu bà L viết Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa.

Hiện Công ty chưa trả bà L 342 gói hàng. Số tiền bà L nộp vào mua hàng của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam là tiền riêng của bà L, không liên quan đến thành viên nào trong gia đình. Đối với những nhân viên (kế toán, thủ kho, người viết phiếu) của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam mà bà L đã từng gặp, làm việc thì bà không nhớ họ tên là gì, năm sinh bao nhiêu, địa chỉ ở đâu. Bà đề nghị Tòa án không triệu tập những người này tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ ngày nộp tiền mua các sản phẩm trên đến nay, bà L chưa được nhận bất cứ tri ân nào. Đến năm 2017, bà L phát hiện ra ngày 11/7/2016 Công ty cổ phần LMTD Việt Nam đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghi định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị L yêu cầu Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà số tiền 3.618.540.000 đồng tương đương 342 gói hàng đã mua nhưng chưa được trả sản phẩm. Ngoài ra bà L không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2020, đại diện phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam vẫn đăng ký

trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công

thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là "Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP", Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 16/7/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 22/7/2021, nguyên đơn có bản tự khai bổ sung, thay đổi lại yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà số tiền 3.357.180.000 đồng tương đương 320 gói hàng đã mua nhưng chưa được trả sản phẩm. Đối với 22 gói sản phẩm tương đương số tiền 261.360.000 đồng dobà L không cung cấp được hóa đơn, phiếu thu, hoặc phiếu đặt hàng, không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ của những người kế toán, thủ kho đã ký vào 02 đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa ngày 30/11/2015 và ngày 31/8/2016 nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nữa.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Quang Quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Hoàng Thị L, buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho bà L số tiền 3.357.180.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng

mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/12/2014, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam và bà Hoàng Thị L đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0084425/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, bà L có nộp tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Bà L đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên bà L khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa bà L với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng"*. Bị đơn Công ty cổ phần LMTD Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết yêu cầu của bà Ân là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc thay đổi thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo bản tự khai bổ sung ngày 22/7/2021(giảm số tiền buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả): Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 3.357.180.000 đồng (giá trị 320 gói hàng đã mua):

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà Hoàng Thị L cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 25/12/2014, bà L ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0084425/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam - trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Bà L đã mua của công ty 426 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm), giá mỗi gói sản phẩm là 11.880.000 đồng hoặc 9.888.000 đồng (tùy thời điểm lấy hàng). Tổng cộng số tiền bà L đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam là 4.251.840 đồng. Bà L đã lấy và sử dụng 84 gói sản phẩm và nộp lại cho công ty 84 phiếu đặt hàng, còn lại 342 phiếu đặt hàng. Đối với 22 phiếu đặt hàng mà công ty thu lại của bà nhưng chưa trả hàng mà chỉ viết cho bà 02 đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa thì bà không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4.2]. Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần LMTD Việt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[4.3]. Bà L yêu cầu Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 3.357.180.000 đồng tương đương giá trị của 320 gói hàng đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu trên của bà L.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà L được chấp nhận nên Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả bà Hoàng Thị L số tiền 3.357.180.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 99.143.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phương Thảo